

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hương.

Bà Phan Thị Thảo Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà D và ông Nguyễn Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G (nay là huyện T), tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N thường hay ăn nhậu, không chăm lo cuộc sống gia đình, mỗi lần nhậu vào ông N lại ghen tuông và chửi mắng, xúc phạm bà D. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài khoảng 04 đến 05 năm và ông bà đã sống ly thân từ tháng 12 năm

2021 cho đến nay. Bà D đã khuyên can nhiều lần nhưng ông N không thay đổi. Nhận thấy tình cảm không còn, bà D yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà D và ông N có 02 con chung là anh Nguyễn Hoài T, sinh ngày 16/7/2001 và chị Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/3/2004. Anh T và chị H đã thành niên nên bà D không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà D không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông N không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà D có đơn xin được vắng mặt, bị đơn ông N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N nên đây là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà D, ông N.

[3] Về hôn nhân: Bà D và ông N chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/4/2000 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà D và ông N xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông N không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa ông với bà D.

Thấy rằng, giữa bà D và ông N không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa bà D và ông N đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà D và ông N có 02 con chung là anh Nguyễn Hoài T, sinh ngày 16/7/2001 và chị Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/3/2004. Anh T và chị H đã thành niên, bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà D là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà D được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008281 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên bà D đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà D, ông N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm